TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **300**/2022/HS-ST
Ngày: 20/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Minh Thân;

- Ông Nguyễn Việt Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Dương Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 304/2022/HSST ngày 29/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2022/QĐXXST-HS ngày 06/12/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H;** Sinh năm: 1996; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT: Xóm 6, xã G, Hện G, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn H; Con bà: Nguyễn Thị M; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 4; Vợ, con: Không; Trích lục tiền án, tiền sự**:** Không

Danh chỉ bản số: 0246, lập ngày 07/4/2022, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Chị Nguyễn Hồng M; Sinh năm: 1991; HKTT: Tổ 5, khu 2, phường V, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; HKTT: Xóm T, xã B, Hện Q, tỉnh Bắc Ninh; Nơi ở: Số 26, ngõ 57, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội;

Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Thạch C; Sinh năm:1989; HKTT: Tổ dân phố số 3, phường M, quận N, thành phố Hà Nội ;

2. Anh Đỗ H N; Sinh năm: 1991; HKTT: Số 23, ngách X, đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội;

(Chị M, anh C, anh N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn H là giám đốc Công ty TNHH H, buôn bán mặt hàng thời Tr nữ qua mạng xã hội. H thuê tầng 7, nhà số 10, ngõ 4/1 Đ, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của chị Trần Thị L *(Sinh năm: 1993; HKTT: Thôn T, xã X, Hện L, tỉnh Hà Nam)* làm nơi kinh doanh và thuê 04 nhân viên làm việc gồm: Anh Vũ Văn H *(Sinh năm: 2002; HKTT: Xóm 8, xã G, Hện G, tỉnh N),* anh Đỗ Quang H *(Sinh năm: 2001; HKTT: Xóm 8, xã G, Huyện G, tỉnh Nam Định),* chị Bùi Huyền Tr *(không rõ lai lịch)* và chị Nguyễn Hồng M *(Sinh năm: 1991; HKTT: Tổ 5, khu y, phường V, thành phố U, tỉnh Q).* Quá trình kinh doanh Công ty của H bị thua lỗ. Do hàng ngày H thấy chị Nguyễn Hồng M đi làm bằng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 14Y1-310.04, nên nảy sinh ý định mượn xe của chị M để cầm cố lấy tiền trả nợ. Khoảng 08 giờ ngày 24/10/2021, H nói dối chị M cần xe đi giải quyết công việc cá nhân, do xe của H bị hỏng không kịp sửa để mượn chiếc xe máy BKS: 14Y1-310.04. Chị M tin tưởng giao xe cùng giấy đăng ký xe cho H tại tầng 1 nhà số 10, ngõ 4/1 Đồng Me, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi mượn được xe, H mang đến cửa hàng cầm đồ tại địa chỉ số: 280 M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội của anh Nguyễn Thạch C *(Sinh năm:1989; HKTT: Tổ dân phố số 3, phường M, quận N, thành phố Hà Nội)* để cầm cố. Anh C hỏi nguồn gốc xe thì H nói dối xe của chị gái đồng ý cho H mang đi cầm cố và đưa giấy đăng ký xe của chị M cho anh C xem. Anh C yêu cầu cung cấp số chứng minh nhân dân của chị M thì H gọi điện cho chị M nói dối có việc Công ty cần đến số chứng minh nhân dân để chị M tin tưởng cung cấp. Anh C thấy H gọi điện nên tin tưởng và đồng ý viết hợp đồng cầm cố chiếc xe trên cho H với số tiền 15.000.000đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng)*, thỏa thuận lãi suất 1.500đồng/triệu/ngày, thời gian cầm cố 01 tháng. Khoảng 05 ngày sau, H tiếp tục đến cửa hàng của anh C cung cấp số chứng minh nhân dân của H và chị M để lấy thêm số tiền 5.000.000đồng *(Bằng chữ: Năm triệu đồng)*. Anh C đồng ý đưa tiền cho H và ghi thêm vào hợp đồng cầm cố cộng thêm 5.000.000đồng *(Bằng chữ: Năm triệu đồng)*. Đối với toàn bộ số tiền cầm cố chiếc xe của chị M, H mang đi trả nợ cá

nhân hết. Sau đó H lấy nhiều lý do như gọi điện cho chị M giả vờ say rượu không về trả xe được, ốm nằm điều trị tại bệnh viện không đi làm được (thực tế H có đi viện khám nhưng không nằm viện) để kéo dài thời gian, không trả xe cho chị M. Đến khoảng 16 giờ ngày 04/11/2021, H mới đến Công ty làm việc. Khi gặp lại chị M, H tiếp tục nói dối xe để ở nhà bạn và bảo chị M đi đâu thì lấy xe của H. Khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, lúc này toàn bộ nhân viên Công ty đã ra về hết, H phát hiện chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu Acer màu đen của chị M để tại phòng làm việc, trong phòng không có Camera nên đã lấy trộm chiếc máy tính trên mang đến cửa hàng cầm đồ của anh Đỗ H N *(Sinh năm: 1991; HKTT: Số 23, ngách 32/84, đường Đỗ Đức Dục, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội)* để cầm cố. Tại đây, H nói nguồn gốc chiếc máy tính là của mình và cung cấp mật khẩu máy tính cho anh N. Sau khi kiểm tra, anh N đồng ý nhận cầm cố chiếc máy tính với giá 4.000.000 đồng *(Bằng chữ : Bốn triệu đồng),* thỏa thuận lãi suất 1.500đồng/triệu/ngày, thời gian cầm cố 01 tháng và đưa hợp đồng cầm đồ cho H điền thông tin, ký xác nhận. Sau đó, H đã mang số tiền trên đi trả nợ ngoài xã hội và tiêu xài cá nhân hết. Sáng ngày 05/11/2021, H không đến Công ty làm việc và tắt điện thoại do sợ chị M báo về việc bị mất máy tính và đòi lại xe. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H đến Công ty và thừa nhận trước toàn bộ nhân viên Công ty việc mang xe máy và Laptop của chị M đi cầm cố lấy tiền để đầu tư kinh doanh với bạn xã hội và bị lừa hết tiền nhưng thực tế H không hợp tác làm ăn kinh doanh với ai mà tự bản thân H kinh doanh thua lỗ không có tiền trả tiền hàng. H hứa 05 ngày sau sẽ mang xe máy và Laptop về trả lại cho chị M. Tuy nhiên đến hạn và những ngày sau đó, chị M nhiều lần gọi điện, nhắn tin nhưng H chỉ hứa hẹn mà không trả lại tài sản cho chị M. Ngày 15/11/2021, H không còn khả năng lấy tài sản trả chị M nên đã gửi cho chị M số điện thoại của cửa hàng cầm đồ để chị M liên hệ chuộc lại xe máy, sau đó tắt điện thoại, vứt bỏ sim và dừng hoạt động Công ty. Nhận thấy H có hành vi chiếm đoạt tài sản, ngày 23/12/2021 chị M đến Công an phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trình báo sự việc.

Vật chứng tạm giữ gồm có: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 14Y1-310.04 ; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số: 025237, mang tên chị Nguyễn Hồng M ; 01 Hợp đồng cầm cố (Bản photo); 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thạch C, do anh Nguyễn Thạch C giao nộp; 01 máy tính Laptop nhãn hiệu Acer màu bạc; 01 Hợp đồng cầm cố và nhận tiền ghi ngày 04/11/2021, do anh Đỗ H N giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 45/KLĐGTS ngày 10/02/2022 và số: 63/KLĐGTS ngày 25/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản

trong tố tụng hình sự, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, kết luận như sau: *"01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen-xám, BKS: 14Y1-310.04, số khung: 5836LY099234, số máy: JF86E2377953, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2020, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)./." ; "01 chiếc laptop nhãn hiệu Acer Aspire 4739Z, màu đen, thông số kỹ thuật: Intel Pentium P6200/Ram 2GB DDR3/500GB HDD/14 inch HD Led LCD, mua năm 2013, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 1.000.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu đồng)./. "*

Quá trình điều tra do H bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã. Đến ngày 18/9/2022, H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Nam Từ Liêm đầu thú. Tại cơ quan điều tra, H khai nhận hành vi phạm tội của H như đã nêu trên.

Đối với anh Nguyễn Thạch C và anh Đỗ H N, quá trình điều tra xác định anh C, anh N không biết tài sản do H phạm tội mà có nên đã nhận cầm cố, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với hành vi trộm cắp 01 chiếc Laptop, nhãn hiệu Acer, màu đen trị giá 1.000.000đồng của H chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 04/11/2022 Công an quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 809/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Văn H về hành vi: *"Trộm cắp tài sản"*, hình thức phạt tiền, mức phạt là: 2.500.000 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm nghìn đồng);*

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen xám, BKS: 14Y1-310.04, đăng ký chính chủ mang tên chị Nguyễn Hồng M, tra cứu không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng và chiếc Laptop nhãn hiệu Acer, màu đen là tài sản của chị M. Ngày 16/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-CQĐT-ĐTTH, trả lại cho chị M, là chủ sở hữu. Chị M, anh C, anh N đã được gia đình H bồi thường, khắc phục H quả, chị M, anh C, anh N không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Chị M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

Theo Cáo trạng số: 292/CT-VKSNTL ngày 22/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định như sau:

"Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:"

Tại phiên tòa: Bị cáo H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo được sớm trở về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H, kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo H về tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc thường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi, trả lại Bị hại; Gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục H quả cho Bị hại và Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án, Bị hại và Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 15 tháng đến 18 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, Người có quyền lợi, N vụ liên quan đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về xử lý vật chứng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại và Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng

cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ cơ sở để xác định: Do làm ăn kinh doanh thua lỗ, nợ tiền, không có khả năng chi trả nên Nguyễn Văn H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị Nguyễn Hồng M đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Khoảng 08 giờ ngày 24/10/2021 tại tầng 1, nhà số 10, ngách 4/1 Đồng Me, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, H giả vờ lấy lý do đi giải quyết công việc cá nhân, nói dối xe của H bị hỏng không kịp sửa để mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 14Y1-310.04 cùng Giấy đăng ký xe của chị M, để chiếm đoạt đem đi cầm cố cho anh Nguyễn Thạch C, lấy tiền trả nợ. Trị giá tài sản là: 30.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)*.

Bị cáo khai nhận tội. Tài sản đã được thu hồi trả lại Bị hại. Gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục H quả cho Bị hại và Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án, Bị hại và Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố bị cáo H về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được H quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc thường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội và tại phiên tòa, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục H quả cho Bị hại và Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án, Bị hại và Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách Lbị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo H từ 15 tháng đến 18 tháng tù, là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Không;

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn H 15** *(Mười lăm)* **tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2022.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, N vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, N vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, N vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, N vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, N vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 584; Điều 589; Điều 288; Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh phải bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Đại Thanh *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Thế Bình - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đương - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000

đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho anh Đỗ Nhật Thành số tiền: 12.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười hai triệu đồng);*

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh và bị cáo Nguyễn Tiến Bằng phải liên đới bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng)*, mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở và quản lý khu đô thị Mường Thanh *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Toàn - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 13.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười ba triệu đồng)*, mỗi bị cáo phải bồi thường là: 6.500.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng);* Bồi thường cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thiên Trường Việt Nam *(Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Oanh - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 20.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)*, mỗi bị cáo phải bồi thường là: 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đương - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng)*, mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng)*.

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 vam phá khóa và 01 thẻ gửi xe *(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 110 ngày 20/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);*

Buộc bị cáo Tuấn phải truy nộp: 14.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng);* Bị cáo Phong phải truy nộp: 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng);* Bị cáo Việt phải truy nộp: 4.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);* Bị cáo Minh phải truy nộp: 7.250.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);* Bị cáo Bằng phải truy nộp: 1.250.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)*, nộp ngân sách Nhà Nước .

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Các bị cáo: Minh, Bằng, Tuấn, Phong, Việt, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Minh phải chịu 4.425.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bằng phải chịu 1.575.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.